

[양식 제33호]

[Mẫu số 33]

<b>국적취득자의 성·본 창설신고서</b> <b>TỜ KHAI LẬP HỌ, TÊN CHO NGƯỜI ĐƯỢC CẤP QUỐC TỊCH</b> (          년          월          일 ) (          năm          tháng          ngày )										
① 성·본 창설 자	성 명 Họ và tên	한글 Tiếng Hàn	(성) / (명)				주민등록 번호 Số chứng minh thư	-		
		한자 Tiếng Hàn	(성) / (명)							
① Người lập họ, tên	등록기준지 Nơi đăng ký gốc									
	주 소 Địa chỉ									
② 성·본 ② Họ, tên	중전의 성(姓) Họ cũ(姓)	한글 Tiếng Hàn		한자 Tiếng Hàn		중전의 본(本) Tên cũ(本)	한글 Tiếng Hàn		한자 Tiếng Hàn	
	창설한 성(姓) Họ mới(姓)	한글 Tiếng Hàn		한자 Tiếng Hàn		창설한 본(本) Tên mới (本)	한글 Tiếng Hàn		한자 Tiếng Hàn	
③ 허가일자 ③ Ngày cấp phép	년 월 일 năm tháng ngày				법원명 Tên tòa án					
④ 기타사항 ④ Nội dung khác										
⑤ 신 고 인 ⑤ Người khai	성 명 Họ và tên	⑤ 또는 서명 Đóng dấu hoặc ký tên				주민등록번호 Số chứng minh thư		-		
	자 격 Tư cách	①본인 ②법정대리인 ③기타(자격 : ) ①Bản thân ②Người thay thế pháp lý ③Khác(Tư cách: )								
	주 소 Địa chỉ	전화 Điện thoại		이메일 Email						
⑥ 제출인 ⑥Người nộp	성 명 Họ và tên				주민등록번호 Số chứng minh thư		-			

※ 신고서 작성 시 아래의 작성 방법을 참고하고, 선택항목에는 ‘영표(○)’로 표시하기 바랍니다.

※ Vui lòng tham khảo cách viết bên dưới, và điền dấu ‘O’ vào mục lựa chọn.

## 작성 방법

### Cách điền tờ khai

※ 본 신고는 외국의 성을 쓰는 국적취득자가 그 성을 쓰지 않고 새로이 성과 본을 정하고자 하는 경우, 관할 가정법원에서 성·본·창설허가결정을 받아 그 허가결정서 등본을 첨부하여 성·본·창설허가결정의 고지를 받은 날로부터 1개월 이내에 하는 신고입니다.

※ Tờ khai này là bản khai được thực hiện trong vòng 1 tháng kể từ ngày nhận được thông báo quyết định cho phép lập họ, tên trong trường hợp người được cấp quốc tịch đang sử dụng họ nước ngoài định không sử dụng họ đó, và chọn họ tên mới, đã nhận được quyết định cho phép lập họ tên mới từ tòa án gia đình liên quan và đính kèm bản sao quyết định cho phép.

④란 : 가족관계등록부에 기록을 분명하게 하는데 특히 필요한 사항을 기재합니다.

: 창설 전의 성과 본이 한자나 한글이 아닌 경우에 원래의 문자 표기

Mục④: Ghi chép rõ ràng điều khoản đặc biệt cần thiết trong sổ đăng ký hộ gia đình. Viết tên gốc trường hợp họ và tên trước khi lập không phải là chữ Hán hoặc chữ Hàn

⑤란 : 본인이 신고하는 경우 창설 후(개명 후)의 성명으로 기재합니다. 신고인이 외국인인 경우에는 외국인 등록번호(국내거소신고번호 또는 출생연월일)를 기재합니다.

Mục⑤: Trường hợp là bản thân khai báo, ghi chép bằng tên họ sau khi lập (sau đổi danh). Trường hợp người khai báo là người nước ngoài ghi sổ đăng ký người nước ngoài (số khai báo cư trú trong nước hoặc ngày tháng năm sinh).

⑥란 : 제출인(신고인이 작성한 신고서를 신고인이 아닌 사람이 제출할 경우만 기재)의 성명 및 주민등록번호를 기재합니다.[접수담당공무원은 신분증과 대조]

Mục⑥: Ghi tên và số chứng minh thư của người nộp (chỉ ghi trong trường hợp người nộp không phải là người khai báo đã viết trong tờ khai). [Nhân viên phụ trách đối chiếu với chứng minh thư]

## 첨부 서류

### Hồ sơ đính kèm

1. 국적취득자의 성·본·창설허가결정서 등본 1부.

1. Bản sao giấy cho phép lập họ và tên mới của người được cấp quốc tịch: 1 bản

2. 신분확인[가족관계등록예규 제443호에 의함]

2. Xác nhận danh tính [Căn cứ theo Quy định đăng ký hộ gia đình số 443]

- 신고인이 출석한 경우 : 신분증명서

- Trường hợp người khai báo đến nộp: chứng minh thư

- 제출인이 출석한 경우 : 제출인의 신분증명서

- Trường hợp người nộp đến nộp: chứng minh thư của người nộp

- 우편제출의 경우 : 신고인의 신분증명서 사본

- Trường hợp nộp qua đường bưu điện: bản copy chứng minh thư của người khai báo

※ 신고인이 성년후견인인 경우에는 2항의 서류 외에 성년후견인의 자격을 증명하는 서면도 함께 첨부해야 합니다.

※ Trường hợp người khai báo là người giám hộ thì ngoài hồ sơ theo mục 2 phải đính kèm giấy xác nhận chứng minh tư cách của người giám hộ.

※ 타인의 서명 또는 인장을 도용하여 허위의 신고서를 제출하거나, 허위신고를 하여 가족관계등록부에 부실의 사실을 기록하게 하는 경우에는 형법에 의하여 5년 이하의 징역 또는 1천만 원 이하의 벌금에 처해집니다.

※ Căn cứ theo Hiến pháp người vi phạm sẽ bị phạt tù không quá 5 năm hoặc phạt tiền không quá 10 triệu won, trong trường hợp đánh cắp chữ ký và con dấu của người khác để nộp tờ khai giả mạo, hoặc ghi chép sai sự thật trong sổ đăng ký hộ gia đình để khai giả mạo.